

**NGHIÊN CỨU PHÊ PHÁN VỀ
NHẤT THIẾT HỮU LUẬN TRONG BỘ “LUẬN SỰ”**

– THE CRITICAL STUDY ON

SABBAMATTHĪTIKATHĀ IN KATHĀVATTHU –

Tác giả: Nghiên cứu sinh PHRAMAHA ANON PADAO (ĀNANDO/ THÍCH A-NAN)

Thầy giáo chỉ đạo: bác sĩ Lữ Khải Văn.

Chương thứ tư.

“KATHĀVATTHU” PHÊ PHÁN NHẤT THIẾT HỮU LUẬN THỜI PHẬT GIÁO BỘ PHẢI [1]

V. Quá khứ nhãn sắc đẳng luận (Atītacakkhurūpādikathā)

“Quá khứ nhãn sắc đẳng luận” (Atītacakkhurūpādikathā), *Atīta* (quá khứ) + *cakkhu* (con mắt) + *rūpa* (sắc) + *ādi* (vân...vân...) + *kathā* (lời, nói, luận). Trong “Quá khứ nhãn sắc đẳng luận”, nội dung chủ yếu là *mười hai xứ*, nó có thể tính là cái tồn hữu, Hữu bộ cho rằng trong ba thời thì mười hai xứ đều có tồn tại. Phương thức mà Thượng Toạ bộ phê phán cũng giống hệt phía trước đã bàn, khảo sát *mười hai xứ* trong quá khứ, vị lai, hiện tại. Bởi vì nó đặt ở giai đoạn thời tự khác nhau, không thể thay thế lẫn nhau, Hữu bộ chứng minh nó tồn tại ra sao, Kinh văn ở dưới:

1. Quá khứ nhãn sắc đẳng luận (Atītacakkhurūpādikathā) [1]

<p>I. (Tự): Mắt (nhãn) của quá khứ là có, sắc có, nhãn thức có, minh có, tác ý có à?</p> <p>(Tha): Đúng.</p> <p>(Tự): Nương mắt của quá khứ mà thấy sắc của quá khứ sao?</p> <p>(Tha): Thật không nên nói như vậy.</p> <p>II. (Tự): Tai (nhĩ) của là có, thanh có, nhĩ thức có, hư không có, tác ý có à?</p> <p>(Tha): Đúng.</p> <p>(Tự): Nương tai của quá khứ nghe thanh của quá khứ sao?</p> <p>(Tha): Thật không nên nói như vậy.</p> <p>III. (Tự): Mũi (tỵ) của quá khứ là có,</p>	<p>(C.S.) Atītaṃ cakkhum atthi rūpā atthi cakkhaviññāṇaṃ atthi āloko atthi manasikāro atthīti? Āmantā. Atītena cakkhunā atītaṃ rūpaṃ passatīti? Na hevaṃ vattabbe ...pe...</p> <p>atītaṃ sotam atthi saddā atthi sotaviññāṇaṃ atthi ākāso atthi manasikāro atthīti? Āmantā. Atītena sotena atītaṃ saddaṃ suṇatīti? Na hevaṃ vattabbe ...pe...</p> <p>atītaṃ ghānaṃ atthi gandhā atthi ghānaviññāṇaṃ atthi vāyo atthi manasikāro atthīti? Āmantā. Atītena ghānena atītaṃ gandhaṃ ghāyatīti? Na hevaṃ vattabbe ...pe...</p> <p>atītā jivhā atthi rasā atthi</p>
---	---

<p>hương có, tỵ thức có, gió (phong) có, tác ý có à?</p> <p>(Tha): Đúng.</p> <p>(Tự): Nương mũi của quá khứ mà người hương của quá khứ sao?</p> <p>(Tha): Thật không nên nói như vậy.</p> <p>IV. (Tự): Lưỡi (thiệt) của quá khứ là có, vị có, thiệt thức có, nước (thuỷ) có, tác ý có ư?</p> <p>(Tha): Đúng.</p> <p>(Tự): Nương lưỡi của quá khứ mà nếm vị của quá khứ sao?</p> <p>(Tha): Thật không nên nói như vậy.</p> <p>V. (Tự): Thân của quá khứ là có, xúc có, thân thức có, đất (địa) có, tác ý có à?</p> <p>(Tha): Đúng.</p> <p>(Tự): Nương thân của quá khứ mà chạm xúc của quá khứ sao?</p> <p>(Tha): Thật không nên nói như vậy.</p> <p>VI. (Tự): Ý của quá khứ là có, pháp có, ý thức có, chỗ nương vào có, tác ý có ư?</p> <p>(Tha): Đúng.</p> <p>(Tự): Nương ý của quá khứ mà biết pháp của quá khứ sao?</p> <p>(Tha): Thật không nên nói như vậy.¹</p>	<p>jivhāviññāṇaṃ atthi āpo atthi manasikāro atthīti? Āmantā. Atītāya jivhāya atītaṃ rasaṃ sāyatīti? Na hevaṃ vattabbe ...pe...</p> <p>atīto kāyo atthi phoṭṭhabbā atthi kāyaviññāṇaṃ atthi pathavī atthi manasikāro atthīti? Āmantā. Atītena kāyena atītaṃ phoṭṭhabbaṃ phusatīti? Na hevaṃ vattabbe ...pe...</p> <p>atīto mano atthi dhammā atthi manoviññāṇaṃ atthi vatthum atthi manasikāro atthīti? Āmantā. Atītena manena atītaṃ dhammaṃ vijānātīti? Na hevaṃ vattabbe ...pe...</p>
---	---

Luận I.

I. Mắt của quá khứ là có, sắc có, nhãn thức có, minh có, tác ý có phải không?

(Tha): Phải!

¹ (P.T.S.) Kvu. p. 126 – 127; (NAN.) <<Luận Sự I>>: <Nhất Thiết Hữu luận>, sách 61, trang 139 – 140 (bản chữ Hán).

II. Nhờ “mắt quá khứ” (có thể) nhìn thấy (Passati, chỉ cho hiện tại thấy) “sắc quá khứ” ư?

(Tha): Không!

- Hữu bộ chủ trương “mắt quá khứ có” = “sắc quá khứ có...” ($A \supset B$)
- Thượng Toạ bộ phê phán “mắt quá khứ có” \neq “sắc quá khứ có” ($A \sim B$)
- Bởi vì không thể dùng mắt quá khứ nhìn sắc quá khứ.

\therefore Vì vậy “nói mắt quá khứ có...” không thể thành lập.

Luận II.

I. Tai của quá khứ là có, thanh có, nhĩ thức có, hư không có, tác ý có phải không?

(Tha): Phải!

II. Nhờ “tai quá khứ” (có thể) nghe (Suṇāti, chỉ cho hiện tại nghe) “thanh quá khứ” ư?

(Tha): Không!

- Hữu bộ chủ trương “tai quá khứ có” = “thanh quá khứ có...” ($A \supset B$)
- Thượng Toạ bộ phê phán “tai quá khứ có” \neq “thanh quá khứ có...” ($A \sim B$)
- Bởi vì không thể dùng tai quá khứ nghe thanh quá khứ.

\therefore Vì vậy “nói rằng tai quá khứ có” không thể thành lập.

Luận III.

I. Mũi của quá khứ là có, hương có, tỵ thức có, gió có, tác ý có phải không?

(Tha): Phải!

II. Nhờ “mũi quá khứ” (có thể) ngửi (Ghāyati, chỉ cho hiện tại ngửi) “mùi quá khứ” ư?

(Tha): Không!

- Hữu bộ chủ trương “mũi quá khứ có” = “mùi quá khứ có...” ($A \supset B$)
- Thượng Toạ bộ phê phán “mũi quá khứ có” \neq “mùi quá khứ có...” ($A \sim B$)

- Bởi vì không thể dùng mũi quá khứ ngửi mùi quá khứ.

∴ Vì vậy “nói rằng mũi quá khứ có” không thể thành lập.

Luận IV.

- I. Mũi của quá khứ là có, vị có, thiết thức có, nước có, tác ý có phải không?

(Tha): Phải!

- II. Nhờ “lưỡi quá khứ” (có thể) nếm (Sāyati, chỉ cho hiện tại nếm) “vị quá khứ” ư?

(Tha): Không!

- Hữu bộ chủ trương “thiết quá khứ có” = “vị quá khứ có...” (A ⊃ B)
- Thượng Toạ bộ phê phán “lưỡi quá khứ có” ≠ “vị quá khứ có...” (A ~ B)
- Bởi vì không thể dùng lưỡi quá khứ nếm vị quá khứ.

∴ Vì vậy “nói rằng lưỡi quá khứ có...” không thể thành lập.

Luận V.

- I. Thân của quá khứ là có, xúc có, thân thức có, đất có, tác ý có phải không?

(Tha): Phải!

- II. Nhờ “thân quá khứ” (có thể) chạm (Phusati, chỉ cho hiện tại chạm) “xúc quá khứ” ư?

(Tha): Không!

- Hữu bộ chủ trương “thân quá khứ có” = “xúc quá khứ có...” (A ⊃ B)
- Thượng Toạ bộ phê phán “thân quá khứ có” ≠ “xúc quá khứ có...” (A ~ B)
- Bởi vì không thể dùng thân quá khứ chạm xúc quá khứ.

∴ Vì vậy “nói thân quá khứ có...” không thể thành lập.

Luận VI.

- I. Ý của quá khứ là có, pháp có, ý thức có, chỗ nương gá có, tác ý có phải không?

(Tha): Phải!

- II. Nhờ “ý quá khứ” (có thể) nghĩ (Vijānāti, chỉ cho hiện tại nghĩ) “pháp quá khứ” ư?

(Tha): Không!

- Hữu bộ chủ trương “ý quá khứ có” = “pháp quá khứ có...” (A ⊃ B)
- Thượng Toạ bộ phê phán “ý quá khứ có” ≠ “pháp quá khứ có...” (A ~ B)
- Bởi vì không thể dùng ý quá khứ nghĩ pháp quá khứ.

∴ Vì vậy “nói ý quá khứ có...” không thể thành lập.

2. Quá khứ nhãn sắc đẳng luận (Atītacakkhurūpādikathā) [2]

I. (Tự): Mắt (nhãn) của vị lai là có, sắc có, nhãn thức có, minh có, tác ý có ư? (Tha): Đúng. (Tự): Nương mắt của vị lai mà thấy sắc của vị lai ư? (Tha): Thật không nên nói như vậy. ²	(C.S.) Anāgataṃ cakkhūṃ atthi rūpā atthi cakkhuvīññāṇaṃ atthi āloko atthi manasikāro atthīti? Āmantā. Anāgataṃ cakkhūṇā anāgataṃ rūpaṃ passatīti? Na hevaṃ vattabbe ...pe...
---	--

Luận I.

I. Mắt của vị lai là có, sắc có, nhãn thức có, minh có, tác ý có phải không?

(Tha): Phải!

II. Nhờ “mắt vị lai” (có thể) nhìn thấy (Passati, chỉ cho hiện tại thấy) “sắc vị lai” ư?

(Tha): Không!

- Hữu bộ chủ trương “mắt vị lai có” = “sắc vị lai có...” (A ⊃ B)
- Thượng Toạ bộ phê phán “mắt vị lai có” ≠ “sắc vị lai có...” (A ~ B)
- Bởi vì không thể dùng mắt vị lai nhìn sắc vị lai.

∴ Vì vậy “nói mắt vị lai có...” không thể thành lập. Trở xuống nối theo, luận về tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

“Mười hai xứ”

² (P.T.S.) Kvu. p. 127; (NAN.) <<Luận Sự I>>: <Nhất Thiết Hữu luận>, sách 61, trang 140 (bản chữ Hán).

Mười hai xứ quá khứ		Mười hai xứ thời hiện tại		Mười hai xứ vị lai
Nhãn ↔ Sắc		Nhãn ↔ Sắc		Nhãn ↔ Sắc
Nhĩ ↔ Thanh		Nhĩ ↔ Thanh		Nhĩ ↔ Thanh
Tỵ ↔ Hương		Tỵ ↔ Hương		Tỵ ↔ Hương
Thiệt ↔ Vị		Thiệt ↔ Vị		Thiệt ↔ Vị
Thân ↔ Xúc		Thân ↔ Xúc		Thân ↔ Xúc
Ý ↔ Pháp		Ý ↔ Pháp		Ý ↔ Pháp

Nói về Hữu bộ chủ trương lấy *mười hai xứ* trong ba thời đều tồn hữu đồng nhất, sự phê phán của Thượng Toạ bộ (Theravāda) là nếu chân thật như thế thì có thể dùng mắt quá khứ nhìn thấy sắc quá khứ, hoặc giả mắt vị lai nhìn thấy sắc vị lai v.v... Từ khảo sát trên thực tế lại không phù hợp lí luận, bởi vì thời gian vượt qua rồi hoặc là vẫn chưa đến, nếu đứng ở lập trường hiện tại khảo sát hai bên thì không thể thành lập. Vì thế chuyện lấy “tam thời thật hữu” để chứng minh, mắt quá khứ và sắc quá khứ sẽ tồn tại thời vị lai, và lại mắt vị lai và sắc vị lai cũng tồn tại thời quá khứ v.v... trong tình huống này càng mâu thuẫn hơn nữa.

3. Quá khứ nhãn sắc đẳng luận (Atītacakkhurūpādikathā) [3]

Thuận luận

<p>I. (Tự): Mắt (nhãn) của hiện tại là có, sắc có, nhãn thức có, minh có, tác ý có, nương mắt của hiện tại mà thấy sắc của hiện tại ư?</p> <p>(Tha): Đúng.</p> <p>(Tự): Mắt (nhãn) của quá khứ là có, sắc có, nhãn thức có, minh có, tác ý có, nương mắt của quá khứ mà thấy sắc của</p>	<p>(C.S.) Paccuppanam cakkhum atthi rūpā atthi cakkhuvīññānam atthi āloko atthi manasikāro atthi, paccuppanena cakkhunā paccuppanam rūpam passatīti? Āmantā. Atītam cakkhum atthi rūpā atthi cakkhuvīññānam atthi āloko atthi manasikāro atthi, atītena cakkhunā atītam rūpam passatīti? Na hevam vattabbe ...pe...</p>
--	---

quá khứ ư?	
(Tha): Thật không nên nói như vậy. ³	

Luận I.

I. Mắt hiện tại có, sắc có, nhãn thức có, minh có, tác ý có, nhờ mắt hiện tại (có thể) nhìn thấy sắc hiện tại à? ($A \supset B$)

(Tha): Phải!

II. Mắt quá khứ có, sắc có, nhãn thức có, minh có, tác ý có, nhờ mắt quá khứ (có thể) nhìn thấy sắc quá khứ à? ($C \supset D$)

(Tha): Không!

■ Nếu mắt hiện tại có thể nhìn thấy sắc hiện tại ($A \supset B$)

■ Thì mắt quá khứ cũng phải nhìn thấy sắc quá khứ ($C \supset D$)

Nhưng mắt hiện tại có thể nhìn thấy sắc hiện tại ($A \supset B$), mắt quá khứ lại không nhìn thấy sắc quá khứ ($C \sim D$).

∴ Vì vậy “nói mắt hiện tại có...” và “nói mắt quá khứ có...” tự mâu thuẫn nhau. Trở xuống cũng luận với tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

Thượng Toạ bộ dùng đối sánh thời gian để chất vấn Hữu bộ, như trên, nếu bảo là mắt hiện tại có thể nhìn thấy sắc hiện tại thì cũng cần phải tiếp nhận mắt quá khứ có thể nhìn thấy sắc quá khứ (lấy “tam thời thật hữu”, “tam thời đồng nhất” làm phán chuẩn), nhưng (Tha) lại cự tuyệt trong lần trả lời thứ hai, bởi vì trên thực tế không thể nhìn thấy, những cái khác như tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy.

4. Quá khứ nhãn sắc đẳng luận (*Atītacakkhurūpādikathā*) [4]

Thuận luận

I. (Tự): Mắt (nhãn) của hiện tại là có, sắc có, nhãn thức có, minh có, tác ý có, nương con mắt hiện tại mà nhìn thấy hình sắc hiện tại ư?	(C.S.) Paccuppanam cakkhum atthi rūpā atthi cakkhuvīññanam atthi āloko atthi manasikāro atthi, paccuppanena cakkhunā paccuppanam rūpam passatīti? Āmantā. Anāgataṃ cakkhum
---	--

³ (P.T.S.) Kvu. p. 128; (NAN.) <<Luận Sự I>>: <Nhất Thiết Hữu luận>, sách 61, trang 141 (bản chữ Hán).

<p>(Tha): Đúng.</p> <p>(Tự): Mắt (nhãn) của quá khứ là có, sắc có, nhãn thức có, minh có, tác ý có, nương con mắt quá khứ mà nhìn thấy hình sắc quá khứ ư?</p> <p>(Tha): Thật không nên nói như vậy.⁴</p>	<p>atthi rūpā atthi cakkhuvīññānam atthi āloko atthi manasikāro atthi, anāgatena cakkhunā anāgataṃ rūpaṃ passatīti? Na hevama vattabbe ...pe...</p>
--	---

Luận I.

I. Mắt hiện tại có, sắc có, nhãn thức có, minh có, tác ý có, nhờ mắt hiện tại (có thể) nhìn thấy sắc hiện tại à? (A ⊃ B)

(Tha): Phải!

II. Mắt vị lai có, sắc có, nhãn thức có, minh có, tác ý có, nhờ mắt quá khứ (có thể) nhìn thấy sắc quá khứ à? (C ⊃ D)

(Tha): Không!

■ Nếu mắt hiện tại có thể nhìn thấy sắc hiện tại (A ⊃ B)

■ Thì mắt vị lai cũng cần phải nhìn thấy sắc vị lai (C ⊃ D)

Nhưng mắt hiện tại nhìn thấy sắc hiện tại (A ⊃ B), mắt vị lai lại không nhìn thấy sắc vị lai (C ~ D)

∴ Vì vậy “bảo rằng mắt hiện tại có...” và “bảo rằng mắt vị lai có...” tự mâu thuẫn nhau. Trở xuống luận đến tai, mũi, lưỡi, thân, ý, giống như vừa nêu. Luận điểm này cũng giống hết với luận ở trước, sai khác ở việc lấy hiện tại và vị lai tiến hành so sánh.

5. Quá khứ nhãn sắc đẳng luận (Atītacakkhurūpādikathā) [5]

Từ phản luận nhằm vào phê phán luận thứ 3 phía trước

<p>I. (Tự): Mắt (nhãn) của quá khứ là có, sắc có, nhãn thức có, minh có, tác ý có, nương mắt của quá khứ mà không thấy</p>	<p>(C.S.) Atītaṃ cakkhuma atthi rūpā atthi cakkhuvīññānam atthi āloko atthi manasikāro atthi, na ca atītena cakkhunā atītaṃ rūpaṃ passatīti?</p>
--	--

⁴ (P.T.S.) Kvu. p. 128; (NAN.) <<Luận Sự I>>: <Nhất Thiết Hữu luận>, sách 61, trang 141 (bản chữ Hán).

<p>sắc của quá khứ ư?</p> <p>(Tha): Đúng.</p> <p>(Tự): Mắt của hiện tại là có, sắc có, nhãn thức có, minh có, tác ý có, nương mắt của hiện tại mà không thấy sắc của hiện tại ư?</p> <p>(Tha): Thật không nên nói như vậy.⁵</p>	<p>Āmantā. Paccuppanam cakkhum atthi rūpā atthi cakkhuviññānam atthi āloko atthi manasikāro atthi, na ca paccuppanena cakkhunā paccuppanam rūpam passatīti? Na hevaṃ vattabbe ...pe...</p>
--	--

Luận I.

I. Mắt quá khứ có, sắc có, nhãn thức có, minh có, tác ý có, nhờ mắt quá khứ không cách nào nhìn thấy sắc quá khứ à? (A ~ B)

(Tha): Phải!

II. Mắt hiện tại có, sắc có, nhãn thức có, minh có, tác ý có, nhờ mắt hiện tại không cách nào nhìn thấy sắc hiện tại à? (C ~ D)

(Tha): Không!

■ Nếu mắt quá khứ không cách gì thấy sắc quá khứ (A ~ B)

■ Thì mắt hiện tại cũng phải không cách gì thấy sắc hiện tại (C ~ D)

■ Nhưng mắt quá khứ không cách gì thấy sắc quá khứ (A ~ B), mắt hiện tại lại nhìn thấy sắc quá khứ (C ⊃ D)

∴ Vì vậy “nói rằng mắt quá khứ có...” và “nói rằng mắt hiện tại có...” tự mâu thuẫn nhau. Trở xuống luận đến tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống hệt.

Cuộc hỏi đáp đăng trên là nhắm vào luận thứ 3 ở trước, (Tự) dùng phản biện hỏi, bởi vì (Tha) trong luận thứ 3 cho rằng mắt quá khứ có, nhưng thực tình lại không có cách gì dùng mắt quá khứ nhìn sắc quá khứ, cho nên (Tự) dùng kết luận của họ phản vấn: mắt quá khứ có nhưng mà không thể dùng nó thấy sắc quá khứ đúng không? (Tha) đáp phải, thế thì mắt hiện tại có cũng giống vậy là không thể thấy

⁵ (P.T.S.) Kvu. p. 129; (NAN.) <<Luận Sự I>>: <Nhất Thiết Hữu luận>, sách 61, trang 141 – 142 (bản chữ Hán).

sắc hiện tại đúng hay không? (Tha) đáp không, bởi vậy trên thực tế thì có thể nhìn thấy. Vì thế, tiếp nhận mắt quá khứ không cách gì nhìn thấy sắc quá khứ cũng nên tiếp nhận mắt hiện tại cũng không cách gì nhìn thấy sắc hiện tại, bởi vì chúng đều tồn tại đồng nhất trong ba thời, nếu có thể nhìn thấy thì phải thấy hết cả, còn không làm sao nhìn thấy thì phải không nhìn thấy hết cả, kết quả hai đáp án của (Tha) đều tự mâu thuẫn nhau.

6. Quá khứ nhãn sắc đẳng luận (Atītacakkhurūpādikathā) [6]

Từ phản luận nhằm vào phê phán luận thứ 4 phía trước

<p>I. (Tự): Mắt (nhãn) của vị lai là có, sắc có, nhãn thức có, minh có, tác ý có, nương mắt của vị lai mà không thấy sắc của vị lai ư?</p> <p>(Tha): Đúng.</p> <p>(Tự): Mắt (nhãn) của hiện tại là có, sắc có, nhãn thức có, minh có, tác ý có, nương mắt của hiện tại mà không thấy sắc của hiện tại ư?</p> <p>(Tha): Thật không nên nói như vậy.⁶</p>	<p>(C.S.) Anāgataṃ cakkhum atthi rūpā atthi cakkhuvīññāṇaṃ atthi āloko atthi manasikāro atthi, na ca anāgatena cakkhunā anāgataṃ rūpaṃ passatīti? Āmantā. Paccuppannaṃ cakkhum atthi rūpā atthi cakkhuvīññāṇaṃ atthi āloko atthi manasikāro atthi, na ca paccuppannena cakkhunā paccuppannaṃ rūpaṃ passatīti? Na hevaṃ vattabbe ...pe...</p>
--	--

Luận I.

I. Mắt vị lai có, sắc có, nhãn thức có, minh có, tác ý có, nương mắt vị lai không cách gì nhìn thấy sắc vị lai à? (A ~ B)

(Tha): Phải!

II. Mắt hiện tại có, sắc có, nhãn thức có, minh có, tác ý có, nương mắt hiện tại không cách gì nhìn thấy sắc hiện tại ư? (C ~ D)

(Tha): Không!

■ Nếu mắt vị lai không nhìn thấy sắc vị lai (A ~ B)

■ Thì mắt hiện tại cũng cần phải không nhìn thấy sắc hiện tại (C ~

D)

⁶ (P.T.S.) Kvu. p. 129; (NAN.) <<Luận Sự I>>: <Nhất Thiết Hữu luận>, sách 61, trang 142 (bản chữ Hán).

Nhưng mắt vị lai không nhìn thấy sắc vị lai ($A \sim B$), mắt hiện tại lại nhìn thấy sắc hiện tại ($C \supset D$).

∴ Vì vậy “nói mắt vị lai có...” và “mắt hiện tại có...” tự mâu thuẫn nhau. Trở xuống luận đến tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng giống. Luận điểm này nhắm vào luận thứ 4, nội dung giống hết luận thứ năm tiến hành phê phán.